

Số: 195 /2026/BC-SHS

Hà Nội, ngày 03 tháng 2 năm 2026

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam
Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội xin báo cáo Quý Sở **Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS -Tháng 1/2026** như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HSX tháng 1/2026:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAA	DBT	VAB	AAA
2	ABT	GDT		ABT
3	ACB	SVI		ACB
4	ACC			ACC
5	ACG			ACG
6	ACL			ACL
7	ADP			ADP
8	ADS			ADS
9	AGG			AGG
10	AGR			AGR
11	ANV			ANV
12	APG			APG
13	ASM			ASM
14	AST			AST
15	BAF			BAF
16	BCM			BCM
17	BFC			BFC
18	BHN			BHN
19	BIC			BIC
20	BID			BID
21	BKG			BKG
22	BMC			BMC
23	BMI			BMI
24	BMP			BMP
25	BRC			BRC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
26	BSI			BSI
27	BSR			BSR
28	BTP			BTP
29	BVH			BVH
30	BWE			BWE
31	CCL			CCL
32	CDC			CDC
33	CHP			CHP
34	CII			CII
35	CKG			CKG
36	CLC			CLC
37	CLL			CLL
38	CMG			CMG
39	CNG			CNG
40	CRC			CRC
41	CSM			CSM
42	CSV			CSV
43	CTD			CTD
44	CTF			CTF
45	CTG			CTG
46	CTI			CTI
47	CTR			CTR
48	CTS			CTS
49	CVT			CVT
50	D2D			D2D
51	DBC			DBC
52	DBD			DBD
53	DBT			DC4
54	DC4			DCL
55	DCL			DCM
56	DCM			DGC
57	DGC			DGW
58	DGW			DHA
59	DHA			DHC
60	DHC			DHG
61	DHG			DIG
62	DIG			DMC
63	DMC			DPG
64	DPG			DPM
65	DPM			DPR
66	DPR			DRC
67	DRC			DRL
68	DRL			DSE
69	DSE			DSN

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
70	DSN			DVP
71	DVP			DXG
72	DXG			DXS
73	DXS			EIB
74	EIB			ELC
75	ELC			EVF
76	EVF			EVG
77	EVG			FCN
78	FCN			FIR
79	FIR			FIT
80	FIT			FMC
81	FMC			FPT
82	FPT			FRT
83	FRT			FTS
84	FTS			GAS
85	GAS			GEE
86	GDT			GEG
87	GEE			GEX
88	GEG			GMD
89	GEX			GSP
90	GMD			GVR
91	GSP			HAG
92	GVR			HAH
93	HAG			HAR
94	HAH			HAX
95	HAR			HCD
96	HAX			HCM
97	HCD			HDB
98	HCM			HDC
99	HDB			HDG
100	HDC			HHP
101	HDG			HHS
102	HHP			HHV
103	HHS			HII
104	HHV			HMC
105	HII			HPG
106	HMC			HPX
107	HPG			HQC
108	HPX			HSG
109	HQC			HSL
110	HSG			HT1
111	HSL			HTG
112	HT1			HTI
113	HTG			HTN

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
114	HTI			HUB
115	HTN			HVH
116	HUB			ICT
117	HVH			IDI
118	ICT			IJC
119	IDI			ILB
120	IJC			IMP
121	ILB			ITC
122	IMP			KBC
123	ITC			KDC
124	KBC			KDH
125	KDC			KHG
126	KDH			KHP
127	KHG			KOS
128	KHP			KSB
129	KOS			LBM
130	KSB			LCG
131	LBM			LHG
132	LCG			LIX
133	LHG			LPB
134	LIX			LSS
135	LPB			MBB
136	LSS			MCM
137	MBB			MIG
138	MCM			MSB
139	MIG			MSH
140	MSB			MSN
141	MSH			MWG
142	MSN			NAB
143	MWG			NAF
144	NAB			NBB
145	NAF			NCT
146	NBB			NHA
147	NCT			NHH
148	NHA			NKG
149	NHH			NLG
150	NKG			NNC
151	NLG			NT2
152	NNC			NTL
153	NT2			OCB
154	NTL			OPC
155	OCB			ORS
156	OPC			PAC
157	ORS			PAN

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
158	PAC			PC1
159	PAN			PDN
160	PC1			PDR
161	PDN			PET
162	PDR			PGC
163	PET			PGD
164	PGC			PGI
165	PGD			PHC
166	PGI			PHR
167	PHC			PLP
168	PHR			PLX
169	PLP			PNJ
170	PLX			POW
171	PNJ			PPC
172	POW			PTB
173	PPC			PVD
174	PTB			PVP
175	PVD			PVT
176	PVP			QCG
177	PVT			RAL
178	QCG			REE
179	RAL			SAB
180	REE			SAM
181	SAB			SBA
182	SAM			SBT
183	SBA			SCR
184	SBT			SCS
185	SCR			SGN
186	SCS			SGR
187	SGN			SHB
188	SGR			SHI
189	SHB			SHP
190	SHI			SIP
191	SHP			SJD
192	SIP			SJS
193	SJD			SKG
194	SJS			SMB
195	SKG			SRC
196	SMB			SSB
197	SRC			SSC
198	SSB			SSI
199	SSC			ST8
200	SSI			STB
201	ST8			STK

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
202	STB			SZC
203	STK			SZL
204	SVI			TBC
205	SZC			TCB
206	SZL			TCH
207	TBC			TCI
208	TCB			TCL
209	TCH			TCM
210	TCI			TCO
211	TCL			TCT
212	TCM			TDC
213	TCO			TDM
214	TCT			TDP
215	TDC			TEG
216	TDM			THG
217	TDP			TIP
218	TEG			TLD
219	THG			TLG
220	TIP			TMP
221	TLD			TMS
222	TLG			TNC
223	TMP			TNT
224	TMS			TPB
225	TNC			TRA
226	TNT			TRC
227	TPB			TTA
228	TRA			TV2
229	TRC			TVB
230	TTA			TVS
231	TV2			VAB
232	TVB			VCB
233	TVS			VCG
234	VCB			VCI
235	VCG			VDP
236	VCI			VDS
237	VDP			VFG
238	VDS			VGC
239	VFG			VHC
240	VGC			VHM
241	VHC			VIB
242	VHM			VIC
243	VIB			VIP
244	VIC			VIX
245	VIP			VJC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
246	VIX			VND
247	VJC			VNL
248	VND			VNM
249	VNL			VPB
250	VNM			VPI
251	VPB			VPL
252	VPI			VRC
253	VPL			VRE
254	VRC			VSC
255	VRE			VSI
256	VSC			VTP
257	VSI			YEG
258	VTP			
259	YEG			

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HNX tháng 1/2026:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	BAB	CSC		BAB
2	BAX			BAX
3	BCF			BCF
4	BVS			BVS
5	CAP			CAP
6	CDN			CDN
7	CEO			CEO
8	CLH			CLH
9	CSC			CTB
10	CTB			DHT
11	DHT			DNP
12	DNP			DP3
13	DP3			DTD
14	DTD			DVM
15	DVM			DXP
16	DXP			EID
17	EID			EVS
18	EVS			GIC
19	GIC			GMX
20	GMX			HAT
21	HAT			HCC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
22	HCC			HJS
23	HJS			HLC
24	HLC			HMR
25	HMR			HUT
26	HUT			HVT
27	HVT			IDC
28	IDC			IDV
29	IDV			INN
30	INN			IPA
31	IPA			L40
32	L40			LAS
33	LAS			LHC
34	LHC			LIG
35	LIG			MAC
36	MAC			MBG
37	MBG			MBS
38	MBS			MDC
39	MDC			MST
40	MST			MVB
41	MVB			NAG
42	NAG			NBC
43	NBC			NDN
44	NDN			NET
45	NET			NFC
46	NFC			NTH
47	NTH			NTP
48	NTP			PBP
49	PBP			PCE
50	PCE			PCH
51	PCH			PGS
52	PGS			PLC
53	PLC			PMC
54	PMC			PPT
55	PPT			PSD
56	PSD			PSI
57	PSI			PSW
58	PSW			PVB
59	PVB			PVC
60	PVC			PVG
61	PVG			PVI
62	PVI			PVS
63	PVS			S99
64	S99			SGC
65	SGC			SLS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
66	SLS			SZB
67	SZB			TA9
68	TA9			TDT
69	TDT			TMB
70	TMB			TNG
71	TNG			TPP
72	TPP			TTT
73	TTT			TV4
74	TV4			TVC
75	TVC			TVD
76	TVD			VBC
77	VBC			VC3
78	VC3			VC7
79	VC7			VCS
80	VCS			VFS
81	VFS			VGS
82	VGS			VHE
83	VHE			VNF
84	VNF			VNR
85	VNR			VTZ
86	VTZ			WCS
87	WCS			

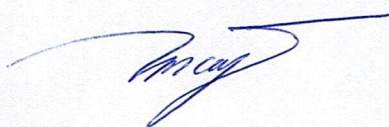
Địa chỉ website đăng tải Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 1/2026 là:

<https://www.shs.com.vn/thong-bao/shs-danh-muc-chung-khoan-thuc-hien-giao-dich-ky-quy-thang-12026>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

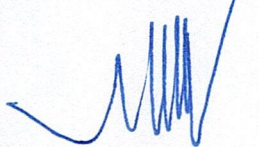
Trân trọng kính báo cáo Quý Sở được biết.

Người lập



Trần Hồng Mây

Kiểm soát



Lê Thị Hoài Thu

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Duy Linh